

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 2.8.2022

CHIẾC ÁO KHÔNG LÀM NÊN THẦY TU

Kinh Bhikkhaka (Bhikkhakasuttam)

CHƯƠNG VII. TƯƠNG ƯNG BÀ LA MÔN – PHẨM CƯ SĨ (S. I, 182)

Khất thực độ nhật là hình thức rất quen thuộc đối với giới tu sĩ trong nền văn hoá Ấn. Đức Phật và những đệ tử xuất gia không sống bằng những nghề nghiệp như người cư sĩ mà cũng trì bình khất thực. Một bà la môn cũng sống bằng cách khất thực và nghĩ rằng như vậy là đời sống cao quý. Đức Phật dạy rõ nếu chỉ khất thực thì không có gì cao quý mà quan trọng là từ nuôi mạng khác hơn người thế tục, một tỳ khưu sống phạm hạnh để vượt lên trên mọi vui khổ, phước tội của cuộc trầm luân và đạt đến chỗ giải thoát giác ngộ đích thực thì vị đó mới thật sự là một “Khất sĩ hay Tỳ khưu”.



Kinh Văn

Sāvattthinidānaṃ. Atha kho bhikkhako brāhmaṇo yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavatā saddhiṃ sammodi. Sammodanīyaṃ kathaṃ saraṇīyaṃ vītisāretvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho bhikkhako brāhmaṇo bhagavantaṃ etadavoca – “ahampi kho, bho gotama, bhikkhako, bhavampi bhikkhako, idha no kiṃ nānākaraṇa”nti?

Tại Sāvatti.

Một bà la môn khất sĩ (bhikkhako) đi đến Đức Thế Tôn. Sau khi hỏi thăm thân thiện, ngồi xuống một bên và nói với Đức Thế Tôn:

Thưa Tôn giả Gotama, tôi là một khất sĩ. Ngài cũng là một khất sĩ. Vậy giữa chúng ta có gì khác biệt?

(Đức Thế Tôn)

**“Na tena bhikkhako hoti, yāvatā bhikkhate pare;
Vissaṃ dhammaṃ samādāya, bhikkhu hoti na tāvatā.**

**“Yodha puññañca pāpañca, bāhitvā brahmacariyaṃ;
Saṅkhāya loke carati, sa ve bhikkhūti vuccati”ti.**

“Không phải chỉ khát thực
Mà trở thành “Khất Sĩ”
Ai còn vương tục sự
Chưa thể gọi Khất sĩ.

“Người thực hành phạm hạnh
Bỏ cả phước và tội
Hành trình với trí giác
Vị ấy là “tỳ khưu”.

**Evam vutte, bhikkhako brāhmaṇo bhagavantaṃ etadavoca – “abhikkantaṃ,
bho gotama, abhikkantaṃ, bho gotama...pe... upāsakaṃ maṃ bhavaṃ gotamo
dhāretu ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gata”nti.**

Khi được nghe vậy, bà la môn Bhikkhaka bạch Đức Thế Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Diệu Pháp được Tôn giả Gotama hiển bày như người dựng đứng những gì bị ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, hay đem đèn sáng vào chỗ tăm tối để những ai có mắt thấy được. Con xin nương tựa Đức Thế Tôn Gotama, xin nương tựa Pháp, xin nương tựa tỳ khưu Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung con trọn đời quy ngưỡng.



(Bổ túc sau)



Thích nghĩa

Chữ bhikkhako nghĩa đen có nghĩa là người sống bằng thực phẩm bố thí. Thuật ngữ bhikkhu (tỳ khuru) đến từ chữ đó nhưng hàm nghĩa một người từ bỏ gia đình, không mưu sinh bằng nghề nghiệp mà sống bằng chánh mạng khát thực.

Cụm từ Vissam dhammam samādāya – làm các tục sự –Theo Sớ giải là những pháp bất thiện, thấp hèn. Cụm từ này rất thông dụng trong Sanskrit được viết veśmām dharmam chỉ cho những điều tầm thường bất xứng với phạm hạnh cao quý.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

10. Bhikkhakasuttam [Mūla]

206. Sāvattthinidānaṃ. Atha kho bhikkhako brāhmaṇo yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtīvā bhagavatā saddhiṃ sammodi. Sammodanīyaṃ kathaṃ sāraṇīyaṃ vītisāretvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho bhikkhako brāhmaṇo bhagavantaṃ etadavoca – “ahampi kho, bho gotama, bhikkhako, bhavampi bhikkhako, idha no kiṃ nānākaraṇa’nti?”

“Na tena bhikkhako hoti, yāvatā bhikkhate pare;
Vissam dhammaṃ samādāya, bhikkhu hoti na tāvatā.
“Yodha puññaṅca pāpaṅca, bāhitvā brahmacariyaṃ;
Saṅkhāya loke carati, sa ve bhikkhūti vuccatī”ti.

Evam vutte, bhikkhako brāhmaṇo bhagavantaṃ etadavoca – “abhikkantaṃ, bho gotama, abhikkantaṃ, bho gotama...pe... upāsakaṃ maṃ bhavaṃ gotamo dhāretu ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gata”nti.

10. Bhikkhakasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

206. Dasame idhāti imasmiṃ bhikkhubhāve. Vissam dhammanti duggandham akusaladhammaṃ. Bāhitvāti aggamaggena jahitvā. Saṅkhāyāti ñāṇena. Sa ve bhikkhūti vuccatīti so ve bhinnakilesattā bhikkhu nāma vuccati. Dasamaṃ.